

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM HỌC 2025 - 2026

I. Diện tích

TT	Tên trường	Diện tích đất (m2)		Diện tích bình quân (m2/ học sinh)		Diện tích sân chơi (m2)		Diện tích sân thể chất (m2)		Diện tích bình quân (m2/ học sinh quy định tại TT13/2020/TT-BGDĐT)																										
	TH TRẦN QUỐC TOẢN	13.694,8		6,8		4.800		2.118		3,4																										
TT	Tên trường	Loại hình	Khối phòng hành chính quản trị				Khối phòng học tập									Khối phòng hỗ trợ học tập										Khối phòng phụ trợ										
							Phòng học			Phòng bộ môn						Thư viện	Phòng thiết bị giáo dục		Phòng tư vấn học đường		Phòng truyền thống		Phòng Đội Thiếu niên		Phòng họp		Phòng y tế		Nhà kho		Phòng chờ giáo viên		Khu vệ sinh học sinh			
			Số lượng				SL	Trong đó		Diện tích (m ²)	Âm nhạc, Mỹ thuật		Tin học		Phòng đa năng																					
			Phòng HT, PHT	Văn phòng	Khu vệ sinh CB, GV	Khu để xe CB, GV		Bán kiên cố	Tạm, nhờ, mượn		SL	Diện tích (m ²)	SL	Diện tích (m ²)	SL																				Diện tích (m ²)	SL
1	Cơ sở 1	CL	2	1	10	2	31			1.440	1	45	1	54	1	45	1	66	1	12	1	15	1	30	1	15	1	90	1	19	2	50	4	50	12	200
2	Cơ sở 2	CL	3		2	1	25			1.000	1	40	1	40			1	35	1	12					1	12	1	80	1	19	2	30			6	460
3	Cơ sở 3	CL	1		1		9			369																								2	100	
	Tổng		6	1	13	3	65			2.809	2	85	2	94	1	45	2	101	2	24	1	15	1	30	2	27	2	170	2	38	4	80	4	50	20	760

Hạ Long, ngày 28 tháng 10 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Lan Phương